

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2018/HS-ST
Ngày: 16/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn
Bà Nguyễn Thị Nhạn
- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 239/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 366/2018/QĐ-HPT ngày 30 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1) Thiên Sanh T: sinh năm 1995, tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Bà la môn; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thiên Sanh L, sinh năm 1957 (Đã mất) và bà Ngụy Thị G, sinh năm 1958; Vợ: Đồng Thị Kim L1, sinh năm 1998; Có 01 con (2016); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 21/01/2013, bị Công an xã P xử phạt 750.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt: 23/4/2018 (Có mặt).

2) Hàm Tuấn N, sinh năm 1997, tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Bà la môn; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hàm Long Q, sinh năm 1959 và bà Đảng Thị H, sinh năm 1961; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án số 11/2016/HSST ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giết tài sản”; Bị bắt: 23/4/2018 (Có mặt).

- Người bị hại: Ông Trần T1, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Phòng trọ 5E, tổ 2, KP3, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ 7, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2. Chị Đồng Thị Kim L2, sinh năm 1998.

Địa chỉ: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

3. Anh Hàm Quốc Anh N1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thiên Sanh T và Hàm Tuấn N có quen biết nhau. Khoảng 11 giờ ngày 21/4/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 85D1-392.43 chở N từ Công ty C thuộc ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đến phường T, TP. B để tìm thuê phòng trọ; khi cả hai đi qua dãy nhà trọ thuộc tổ 2, KP3, phường T thì N đứng ngoài chờ còn T đi vào bên trong tìm phòng trọ. Lúc này, T phát hiện thấy phòng trọ số 5 do ông Trần T1 đang thuê trọ cửa phòng mở, ông T1 đang ngủ dưới nền, bên cạnh có 01 điện thoại di động hiệu Samsung nên T lên lấy chiếc điện thoại di động trên. Sau khi lấy được điện thoại, T nhìn thấy 01 quần dài đang để cạnh ông T1 nên T móc trong túi của ông T1 lấy được tiền Việt, tiền đô la Mỹ và 06 tờ vé số cất vào túi quần của mình rồi ra ngoài điều khiển xe mô tô chở N bỏ đi; trên đường đi T nói cho N biết vừa trộm cắp được tiền. Sau đó, T và N đi vào quán cà phê gần Công ty Changshin nướng nước, tại đây Tín lấy số tiền vừa trộm cắp được mang ra cùng N đếm được 1.200.000đ, T đưa cho N 600.000đ, N đã tiêu xài hết, số tiền còn lại 600.000đ T cũng tiêu xài hết. Còn số tiền gồm 01 tờ tiền đô la mệnh giá 05 USD, 02 tờ tiền đô la mệnh giá 02 USD, 02 tờ tiền đô la mệnh giá 01 USD, 06 tờ vé số đài Bình Dương xổ ngày 20/4/2018 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy T giữ lại, không cho N biết. Đến ngày 22/4/2018, Tín dò 06 tờ vé số trên trúng giải tám nên đã đổi được 600.000đ, số tiền này T đã tiêu xài hết. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày T đưa cho N chiếc điện thoại trộm cắp được và nói N là điện thoại của vợ T nhờ N mang đi cầm dùm thì N đồng ý. Sau đó, T chở N đến tiệm cầm đồ “Cường Thịnh Phát” thuộc ấp 5, xã T, huyện V do bà Ngô Thị T2 làm chủ cầm được số tiền 2.000.000đ. Số tiền này, T cho N vay 500.000đ để tiêu xài, còn lại 1.500.000đ T cũng đã tiêu xài hết. Sự việc xảy ra, ông T1 đến Công an phường T trình báo. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/4/2018, T và N đi đến tổ 31, KP3, phường T thuê phòng trọ thì bị Công an phường T phát hiện bắt giữ, lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy, 01 tờ tiền đô la mệnh giá 05 USD, 02 tờ tiền đô la mệnh giá 02 USD, 02 tờ tiền đô la mệnh giá 01 USD thuộc sở hữu của ông Trần T1. Cơ quan điều tra đã giao trả cho ông Tỹ.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ - đen biển số 85D1-392.43 thuộc sở hữu của chị Đồng Thị Kim L2 (là người sống chung như vợ chồng với

Tín), chị L2 cho Tín mượn để đi tìm thuê nhà trọ. Quá trình điều tra chị L2 không biết T sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2.

+ 01 hợp đồng cầm đồ của Công ty TNHH MTV Cường Thịnh P và 01 USB ghi lại hình ảnh trộm cắp tài sản. Lưu hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 99/TCKH-HĐĐG ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B đã định giá và kết luận: “01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy, model SM-J710FN, 11 đô la Mỹ và 06 tờ vé số Bình Dương ngày 20/4/2018 có tổng giá trị tài sản định giá là 2.584.085đ.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Đồng Thị Kim L2 (là người sống chung như vợ chồng với T) đã bồi thường số tiền 3.000.000đ, anh Hàm Quốc Anh N1 (anh của N) đã bồi thường số tiền 600.000đ cho ông Trần T1, ông T1 không yêu cầu bồi thường.

Chị Đồng Thị Kim L2 đã bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000đ cho chị Ngô Thị T2 nên chị T2 không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra, ông Trần T1 khai bị mất số tiền 6.000.000đ, ngoài lời khai của ông T1 không còn tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Ngô Thị T2 không biết chiếc điện thoại Samsung Galaxy do bị cáo T phạm tội mà có nên đã đồng ý cầm. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B không xử lý hình sự.

Tại bản cáo trạng số 242/CT-VKSBH ngày 09/7/2018 của Viện kiểm Sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Thiên Sanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Hàm Tuấn N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, h, s, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tín; khoản 1 Điều 323; điểm h, s, b khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N. Xử phạt: Bị cáo T mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù; bị cáo N mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Thiên Sanh T, Hàm Tuấn N đã khai nhận vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/4/2018 khi Tín điều khiển xe mô tô biển số 85D1-392.43 chở N đi từ Công ty C thuộc ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai đến

phường T, TP. B để tìm thuê phòng trọ. Khi cả hai đi qua dãy nhà trọ thuộc tổ 2, KP3, phường T, TP. B thì N đứng ngoài chờ còn T đi vào bên trong tìm phòng trọ. Lúc này, T phát hiện thấy phòng trọ số 5 do ông Trần T1 đang thuê trọ của phòng mở, ông T1 đang ngủ dưới nền nhà, đồng thời lợi dụng sự sơ hở của ông T1 nên bị cáo T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy, 11 đô la Mỹ và 06 tờ vé số Bình Dương ngày 20/4/2018 có tổng giá trị tài sản định giá là 2.584.085đ và số tiền 1.200.000đ; tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp của ông Trần T1 là 3.784.085đ. Sau đó, đến ngày 23/4/2018, thì các bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện bắt giữ để điều tra, xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 99/TCKH-HĐĐG ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B đã định giá và kết luận: “01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy, model SM-J710FN, 11 đô la Mỹ và 06 tờ vé số Bình Dương ngày 20/4/2018 có tổng giá trị tài sản định giá là 2.584.085đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Thiên Sanh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Hàm Tuấn N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố và viện dẫn.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, không những làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương; trong vụ án này, bị cáo T là người đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N mặc dù không cùng thực hiện hành vi cùng bị cáo T nhưng bị cáo biết rõ số tài sản trên do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý tìm nơi tiêu thụ và được bị cáo T chia số tiền 600.000đ để tiêu xài.

Ngoài ra, bị cáo T còn có nhân thân xấu có 01 tiền sự vào ngày 21/01/2013, bị Công an xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 750.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị cáo N có 01 tiền án tại bản án số 11/2016/HSST ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích; sau khi chấp hành xong hình phạt về địa phương nhưng bị cáo không chịu làm ăn lương thiện nay lại tiếp tục phạm tội mới thể hiện bị cáo là đối tượng liều lĩnh, có thái độ xem thường pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là rất kém. Do vậy, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo T là không có, bị cáo N là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Chị Đồng Thị Kim L2 đã bồi thường số tiền 3.000.000đ, anh Hàm Quốc Anh N1 đã bồi thường số tiền 600.000đ cho ông Trần T1, ông T1 không yêu cầu bồi thường. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Chị Đồng Thị Kim L2 đã bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000đ cho chị Ngô Thị T2 nên chị T2 không yêu cầu bồi thường. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ - đen biển số 85D1-392.43 thuộc sở hữu của chị Đồng Thị Kim L2 (là người sống chung như vợ chồng với bị cáo T), chị L2 cho bị cáo T mượn để đi tìm thuê nhà trọ. Quá trình điều tra chị L2 không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L2.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm h, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tín; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngâu; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Thiên Sanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Hàm Tuấn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt:

+ Bị cáo **Thiên Sanh T** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2018.

+ Bị cáo **Hàm Tuấn N** 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2018.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Thiên Sanh T, Hàm Tuấn N phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP. B;
- Bị cáo (2);
- Người bị hại; Người có QLNVLQ (4);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tiến